

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/DS-ST
Ngày: 23/7/2024
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Dũng;
2. Bà Hà Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bách - Thư ký Tòa án nhân dân huyện LẮk, tỉnh ĐẮk LẮk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LẮk, tỉnh ĐẮk LẮk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LẮk, tỉnh ĐẮk LẮk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-DS ngày 17/6/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đậu Thị H, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện L, tỉnh ĐẮk LẮk, *có mặt.*

2. *Bị đơn:* Bà H N, sinh năm 1979 ;

Địa chỉ: Buôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh ĐẮk LẮk, *có mặt.*

3. *Người làm chứng:* Bà H P, sinh năm 1973,

Địa chỉ: Buôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh ĐẮk LẮk, *có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đậu Thị H trình bày:**

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2020, bà H N có vay nợ tôi số tiền gốc là 171.300.000 đồng, lãi suất 2 bên thỏa thuận bằng miệng là 2.000 đồng/triệu/ngày, thời hạn trả nợ hện khi nào tôi cần thì bà H N sẽ trả lại tiền gốc và lãi cho tôi. Khi nợ tiền bà H N có cam kết là giao cho tôi 5 sào đất rẫy trong vườn cà phê nếu không trả được nợ, nếu đến hện không có tiền trả thì tôi có quyền lấy đất rẫy này.

Cho đến nay bà H N không chịu thực hiện việc trả nợ cho tôi, mặt dù tôi đến nhà tìm gặp yêu cầu trả rất nhiều lần nhưng bà H N vẫn cố tình lẩn tránh không thực hiện. Ngày 21/04/2021 bà H N có trả cho tôi số tiền 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*) như bà H N đã trình bày và nộp các tài liệu chứng cứ là giấy nhận tiền và tôi xác định đây là số tiền lãi và đồng ý khấu trừ số tiền này vào số tiền lãi bà H N phải trả cho tôi. Đối với số tiền 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) tôi đã nhận là tiền bà H N trả tiền tôi bán hàng quán cho bà H N vì khi mua hàng bà H N nợ lại tôi chứ không phải tiền vay nợ và không liên quan gì việc vay nợ nói trên.

Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lắc giải quyết buộc bà H N thanh toán cho tôi số tiền gốc là 171.300.000 đồng và tiền lãi với mức 10%/năm tính từ ngày 20/4/2020 đến khi bà H N trả xong nợ cho tôi. Tiền lãi tính đến ngày 11/3/2023 là: 171.300.000 đồng x 1421 ngày x 10%/năm = 66.690.000 đồng và tiếp tục tính đến ngày nay, ngày xét xử là 1918 ngày với số tiền 23.325.000 đồng, tổng số tiền lãi phải trả là 90.015.000 đồng – 25.000.000 đồng, còn lại tiền lãi phải trả là 65.015.000 đồng. Đối với biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng tôi yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời mà Tòa án đã áp dụng.

- Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà H N bày:

Vào năm 2017 thông qua sự giới thiệu của chị H L trú tại xã Đ tôi có tìm đến chị Đậu Thị H để mượn tiền với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày, cụ thể các lần mượn của tôi như sau:

- Vào năm 2017 (tôi không nhớ rõ tháng mấy) tôi có mượn tiền của chị Đậu Thị H với số tiền gốc 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) thời hạn trả hẹn đến mùa thu hoạch cà phê tôi sẽ trả cho chị H bằng cà phê của gia đình tôi, vì chị H làm nghề thu mua nông sản.

- Ngày 01/12/2017 tôi có mượn của chị H số tiền: 80.000.000 đồng (*tám mươi triệu đồng*) hẹn đến mùa thu hoạch cà phê tôi sẽ trả cho chị H bằng cà phê của gia đình tôi.

- Ngày 10/01/2018 tôi có xuống nhà chị Đậu Thị H trả với số tiền 9.300.000 (*chín triệu ba trăm nghìn đồng*), hôm đó có chị H L (tên thường gọi mẹ Oluy) đi cùng làm chứng.

- Ngày 24/2/2018 tôi có trả cho chị H số tiền 30.000.000 (*ba mươi triệu đồng*), hôm đó có chị H L đi cùng làm chứng.

- Ngày 02/1/2019 chị Đậu Thị H có đến nhà tôi tại buôn P để cân cà phê, tổng số lượng cà phê chị H cân và lấy của tôi là 10 bao cà phê khô, tính ra được: 526,6 kg (*năm trăm hai mươi sáu phẩy sáu kilôgam*), chị H mua với giá 18.000đồng/1kg, tính thành tiền là 9.478.800 đồng (*chín triệu, bốn trăm, bảy mươi tám nghìn, tám trăm đồng*), chị H nói với tôi là trừ vào số tiền nợ tôi đã vay của chị.

- Ngày 13/12/2020 tôi đang phơi cà phê ngoài sân thì chị Đậu Thị H có gọi người đến lấy cà phê của tôi, tổng lấy của tôi lần này là 07 bao cà phê khô, cân được 393kg và 08 bao cà phê tươi đã phơi được 4 nắng, cân được 519kg, chị H tính thành tiền là 10.730.000 đồng (*mười triệu, bảy trăm, ba mươi nghìn đồng*), chị

H nói với tôi là trừ vào số tiền nợ tôi đã vay của chị, có chị H T, địa chỉ tại xã Đắc P làm chứng.

- Ngày 16/12/2020 chị Đậu Thị H có lấy tiếp 01 bao cà phê khô của tôi trị giá 380.000 đồng (*ba trăm tám mươi nghìn đồng*), chị H nói với tôi là trừ vào số tiền nợ tôi đã vay của chị.

- Ngày 07/02/2021 chị Đậu Thị H có xuống nhà tôi lấy tiền nợ, tôi có trả tiền nợ cho chị H với số tiền 4.000.000 (*bốn triệu đồng*).

- Ngày 21/4/2021 chị Đậu Thị H có xuống nhà tôi lấy tiền nợ, tôi có trả cho chị Hương số tiền 25.000.000 (*hai mươi lăm triệu đồng*), có chị P trú tại buôn P, xã Đắc P làm chứng.

- Ngày 30/4/2021 tôi có trả tiền nợ cho chị Đậu Thị H tại nhà tôi với số tiền 10.000.000 (*mười triệu đồng*), có chị P làm chứng.

Tổng số tiền tôi đã trả nợ cho chị Đậu Thị H với các khoản trả cả tiền và tài sản nói trên là: 98.888.000 đồng (*chín mươi bốn triệu, tám trăm, tám mươi tám nghìn đồng*). Nay chị H khởi kiện yêu cầu tôi phải trả tổng số tiền 237.990.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 171.300.000 đồng, số tiền lãi là 66.690.000 đồng) thì tôi không đồng ý. Tôi xác định tôi chỉ có vay của chị H số tiền gốc tổng cộng là 100.000.000 đồng và đã trả tổng cộng cả tiền và tài sản là 98.888.000 đồng. Trong các lần trả tiền do tin tưởng nên tôi đã đưa tiền và cà phê cho chị H và ký vào sổ do chị H giữ chứ không yêu cầu chị H viết giấy nhận tiền, cà phê cho tôi. Đối với giấy vay tiền ngày 20/4/2020 do chị H làm căn cứ khởi kiện với số tiền là 171.300.000 đồng nội dung, chữ ký và chữ viết thì do tôi viết và ký ra nhưng tôi xác định chỉ vay số tiền gốc 100.000.000 đồng nhưng chị H tính cả gốc và lãi gộp lại thành 171.300.000 đồng tiền gốc. Trong nội dung giấy vay tiền có ghi nội dung nếu tôi không trả được thì gạc 05 sào đất cho chị H nhưng trên thực tế chị H không lấy đất của tôi và tôi không có giao đất cho chị H, hiện tại đất tôi vẫn đang sử dụng.

Tôi là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú và sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặt biệt khó khăn nên đề nghị Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí cho tôi

*** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người làm chứng bà H P trình bày nội dung:**

Tôi nghe, hiểu và nói được tiếng Việt phổ thông nên tự khai báo được, không yêu cầu người phiên dịch. Ngày 21/4/2021 tôi có chứng kiến việc bà H N đã trả cho bà Đậu Thị H số tiền 25.000.000 đồng, nhưng tiền trả này là tiền nợ gốc hay nợ lãi thì tôi không biết.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc phát biểu:**

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đây là vụ án “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vấn đề thu thập chứng cứ, lấy lời khai, thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 97, 98, 203, 220 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và cho Viện kiểm sát đúng theo quy định tại Điều 170 đến Điều 175, Điều 178 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết là HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ Giấy viết tay đề ngày 20/4/2020 do nguyên đơn cung cấp có nội dung: bà H N nợ bà H số tiền 171.300.000đ, bà H N cầm 05 sào đất rẫy cà phê trong vườn nếu đến hạn mà không có tiền trả thì bà H có quyền lấy đất. Dưới mục người mượn có chữ ký, chữ viết “H N”. Trong giấy này không thể hiện lãi suất vay, không ghi thời hạn trả nợ. Bà H N thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay nợ ngày 20/4/2020 do bà H cung cấp đúng là chữ ký, chữ viết của bà H N nhưng nội dung giấy nợ này là do bà H đọc và ép bà H N viết, ký. Tuy nhiên bà H N không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bị ép buộc ký giấy nợ này nên không có căn cứ để xem xét. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận, buộc bà H N trả cho bà H số tiền gốc 171.300.000đ và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 20/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm sau khi khấu trừ 25.000.000đ tiền lãi bà H N đã thanh toán cho bà H.

Đối với việc bà H N cho rằng đã trả tổng cộng cho bà H số tiền 98.888.000 đồng nhưng trong các lần trả tiền do tin tưởng nên không yêu cầu bà H ghi giấy trả tiền này, bà H không thừa nhận sự việc này nên không có cơ sở để xem xét.

Đối với án phí thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo các giấy vay tiền ghi các ngày 20/4/2020 mà nguyên đơn dùng làm căn cứ khởi kiện cùng lời khai của các đương sự có nội dung nguyên đơn có cho bị đơn vay tiền có thỏa thuận thời hạn trả nợ là khi nào cần thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền đã vay nhưng đến nay nguyên đơn yêu cầu mà bị đơn không trả nên phát sinh tranh chấp, do đó nguyên đơn là người có quyền khởi kiện và cung cấp địa chỉ cư trú của bị đơn tại buôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, và đây là quan hệ pháp luật về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do đó Tòa án nhân dân huyện Lắk thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với số tiền vay gốc 171.300.000 đồng: Theo giấy ghi nội dung vay tiền mà nguyên đơn dùng để làm căn cứ khởi kiện bị đơn và lời khai của các đương sự, HĐXX xác định vào ngày 20/4/2020 giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền gốc 171.300.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất bằng miệng, thời hạn trả nợ thỏa thuận khi nào nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả thì bị đơn trả tiền gốc và lãi, nếu không trả được thì giao 05 sào đất rẫy cho nguyên đơn. Cho đến nay bị đơn vẫn không trả nợ và cũng không giao đất cho nguyên đơn là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vi phạm sự thỏa thuận về việc vay tài sản giữa các bên, vi phạm nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Quá trình tham gia tố tụng bị đơn thừa nhận có vay nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng và đã trả 98.888.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nên không có cơ sở để xem xét. Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, HĐXX xét thấy việc vay tiền giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật nên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay là 171.300.000 đồng.

[2.2] Đối với số tiền 4.000.000 đồng theo giấy ghi ngày 07/2/2021 nguyên đơn xác định tiền này bị đơn trả cho nguyên đơn là tiền mua hàng hóa chứ không phải trả tiền vay. Bị đơn cũng thừa nhận là có trả cho nguyên đơn số tiền 4.000.000 đồng nhưng không xác định được tiền gì, trong giấy ghi nội dung nhận tiền cũng không ghi nhận tiền gì nên không có cơ sở xem xét.

[2.3] Đối với tiền lãi của số tiền vay gốc 171.300.000 đồng: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi tính từ ngày vay 20/4/2020 đến nay (ngày xét xử sơ thẩm 23/7/2024) với mức suất là 10%/năm, HĐXX xác định đây là hợp đồng vay có lãi vì trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hai bên đều thừa nhận việc vay tiền có thỏa thuận lãi bằng miệng (nguyên đơn xác định lãi 2.000đồng/1 triệu/ngày, bị đơn xác định lãi 3.000đồng/1 triệu/ngày) nên xác định yêu cầu trả lãi suất của nguyên đơn không trái quy định về tiền lãi suất theo Điều 468 Bộ luật Dân sự là 1,66%/tháng nên được chấp nhận ($171.300.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 1918 \text{ ngày (làm tròn)} = 90.015.000 \text{ đồng}$) trừ đi 25.000.000 đồng tiền lãi mà nguyên đơn đã thừa nhận bị đơn đã trả, số tiền lãi còn lại bị đơn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn là 65.015.000 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.4] Đối với việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng xét thấy không có căn cứ để thay đổi, hủy bỏ nên “Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 13/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” và không bị kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về tiền án phí và tạm ứng án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh

mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, xác định tiền án phí mà đương sự phải nộp như sau:

[3.1 Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải trả số tiền gốc cho nguyên đơn nhưng bị đơn thuộc trường hợp người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện, kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2022/0003885 ngày 12/3/2024.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa HĐXX xét thấy là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 203, 220, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 463 và 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; **Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.**

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đậu Thị H.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc bà H N có nghĩa vụ trả lại cho bà Đậu Thị H số tiền nợ tổng cộng 236.315.000 đồng (*hai trăm ba mươi sáu triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng*), **trong đó tiền nợ vay gốc 171.300.000 (một trăm bảy mươi một triệu ba trăm nghìn đồng)**, tiền nợ lãi 65.015.000 đồng (*sáu mươi lăm triệu không trăm mười lăm nghìn đồng*)

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đối với biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng: “Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 13/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” và không bị kháng cáo, kháng nghị.

3. Về tiền án phí và tạm ứng án phí:

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải trả số tiền gốc cho nguyên đơn nhưng bị đơn thuộc trường hợp người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện, kinh tế-xã hội đặt biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về tiền tạm ứng án phí: Nguyên đơn được nhận lại 5.950.000 đồng (*năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2022/0003885 ngày 12/3/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Cường